TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ L** TỈNH BÌNH THUẬN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2023/DS-ST
Ngày: 09-8-2023
V/v: "Tranh chấp dân sự hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ L, TỈNH BÌNH THUẬN

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Vũ Toàn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hữu Thành

2. Bà Đinh Thị Mỹ Hằng

Thư ký phiên toà: Bà Mai Thị Thanh – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên toà: Bà Trần Thị Xuân – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã L xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 129/2023/TLST-DS, ngày 23 tháng 5 năm 2023, về việc "Tranh chấp dân sự hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2023/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 7 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số: 29/2023/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H – sinh năm 1959. Có mặt
Địa chỉ: Thôn Tam Tân, xã Tân Tiến, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Mai C - sinh năm 1964. Có mặt.
Địa chỉ: Thôn Hiệp Tiến, xã Tân Tiến, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Phạm Ngọc Đ – sinh năm 1964. Có đơn xin vắng mặt.
Địa chỉ: Thôn Hiệp Tiến, xã Tân Tiến, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

- Người làm chứng: Bà Nguyễn Thị H – sinh năm 1989. Có mặt.
Địa chỉ: Thôn Tam Tân, xã Tân Tiến, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án nhân dân thị xã L, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:**

Ngày 10.4.2020, bà Nguyễn Thị Mai C có vay của bà Nguyễn Thị H số tiền là 255.000.000 đồng, thời hạn vay là 02 năm (kể từ ngày 10.4.2020 đến ngày 10.4.2022), giữa hai bên có làm giấy mượn tiền, bà C có ký tên vào giấy mượn tiền, mục đích vay: Để làm ăn, lãi suất cho vay: Do hai bên tự thỏa thuận, lần vay này bản chính bà H giữ.

Đến hai tháng sau ngày 10/6/2020, bà Nguyễn Thị Mai C có vay của bà H số tiền 150.000.000 đồng, thời hạn vay là 02 năm (kể từ ngày 10.6.2020 đến ngày 10.6.2022), giữa hai bên có làm giấy mượn tiền, bà Chi có ký tên vào giấy mượn tiền, mục đích vay: Để làm ăn, lãi suất cho vay: Do hai bên tự thỏa thuận, lần vay này phía bị đơn đã dựt bản chính giấy mượn tiền và xé, bà Hiền chỉ còn giữ lại một nữa tờ giấy.

Tổng cộng hai lần vay tiền của bà Nguyễn Thị Mai C là 405.000.000 đồng. đến thời hạn trả nợ, bà H có đòi nhưng bà C không trả gốc và lãi.

Nay bà H yêu cầu bà Nguyễn Thị Mai C phải trả số tiền là 405.000.000 đồng. Theo đơn khởi kiện, bà H yêu cầu tính lãi suất đối với 02 khoản vay trên, nhưng quá trình giải quyết và tại phiên tòa bà H xin rút yêu cầu về tính lãi. Đối với số tiền lãi bà H đã nhận của bà C là 9.000.000 đồng, thì bà H đồng ý trừ vào số tiền gốc cho bà C.

*** Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Mai C trình bày:**

Bà C thừa nhận có vay tiền của bà H số tiền 150.000.000 đồng vay một lần và vay số tiền 255.000.000 đồng nhưng vay nhiều lần, một lần vay 15.000.000 đồng, một lần vay 30.000.000 đồng, một lần vay 50.000.000 đồng, còn lại bà H tính tiền lãi cộng vô, nhưng hiện nay bà C vẫn chấp nhận số tiền vay của bà H tổng cộng là 405.000.000 đồng. Đối với khoản vay 150.000.000 đồng bà C đã trả cho bà H tiền lãi là 9.000.000 đồng và đưa cho con dâu bà H; tiền lãi trả lần thứ hai đưa cho bà H là 8.000.000 đồng. Trong hai lần trả tiền lãi, bà C đưa trực tiếp, không ghi chép sổ sách, không có giấy tờ gì. Nay bà H khởi kiện yêu cầu bà trả tiền gốc là 405.000.000 đồng thì bà C đồng ý. Số tiền bà C vay của bà H để làm vốn buôn bán vé số, lo cho 02 đứa con bị ma túy phải đi tù (giai đoạn này bà C khai do vợ chồng bà mâu thuẫn và bà tự vay tiền để lo cho con và làm vốn buôn bán vé số để trang trải cuộc sống) và trả nợ riêng của bà C. Bà C tự chịu trách nhiệm trả nợ cho bà H vì bà khai đây là nợ riêng của bà. Hiện nay hoàn cảnh của bà C rất khó khăn nên xin trả dần cho bà H mỗi tháng 2.000.000 đồng.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Phạm Ngọc Đ trình bày:**

Quá trình giải quyết, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông Đ không đến Tòa làm việc và cũng không có văn bản trình bày ý kiến gửi cho Tòa án. Tại phiên tòa, ông Đ có đơn xin xử vắng mặt.

*** Người làm chứng: Bà Nguyễn Thị H trình bày:**

Bà Nguyễn Thị H là con dâu của bà Nguyễn Thị H. Bà H khai bà Nguyễn Thị Mai C có vay tiền của bà Nguyễn Thị H, bà C có qua trả tiền lãi cho bà H là 8.000.000 đồng và hôm sau bà C có qua trả tiền lãi là 1.000.000 đồng, nhưng không có bà H ở nhà nên bà H đã nhận thay số tiền 1.000.000 đồng, sau đó bà H đã đưa cho bà H. Tổng cộng tiền lãi bà H nhận là 9.000.000 đồng.

**** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:***

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa Hội đồng xét xử, người tiến hành tố tụng và đương sự đã tuân thủ đúng và đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng.

Về nội dung: Sau khi xem xét các tài liệu có tại hồ sơ vụ án, được thẩm tra qua phần tranh tụng tại phiên tòa đã đủ căn cứ xác định yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ để chấp nhận. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Buộc bà Nguyễn Thị Mai C phải trả cho bà Nguyễn Thị Hiền số tiền gốc sau khi khấu trừ vào số tiền bà H đã nhận của bà C 9.000.000 đồng là số tiền 396.000.000 đồng. Đình chỉ đối với yêu cầu của bà H về tính lãi suất.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời phát biểu của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết tranh chấp:

Xét đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị H yêu cầu bà Nguyễn Thị Mai C trả nợ vay, đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản, phía bị đơn có địa chỉ tại thôn Hiệp Tiến, xã Tân Tiến, thị xã L, tỉnh Bình Thuận, nên tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã L theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa: Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Phạm Ngọc Đ có đơn xin xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông Đ là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Quá trình giải quyết, Tòa án đã triệu tập hai bên để hòa giải nhưng không thỏa thuận được. Phía nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số tiền là: 405.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất, phía bị đơn bà Nguyễn Thị Mai C thừa nhận còn nợ tiền của bà H là 405.000.000 đồng, nhưng không đồng ý trả tiền lãi và khai rằng đây là nợ riêng của bà, không liên quan đến nợ chung của vợ chồng và xin trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng, nhưng nguyên đơn không đồng ý.

Căn cứ giấy mượn tiền ngày 10.4.2020 (bản chính) do phía nguyên đơn bà Nguyễn Thị H cung cấp thể hiện việc cho vay tiền để chứng minh cho yêu cầu của mình, cụ thể: Vợ chồng bà Nguyễn Thị Mai C có mượn tiền của bà Nguyễn Thị H số tiền 255.000.000 đồng, kể từ ngày 10.4.2020 đến ngày 10.4.2022, giấy mượn tiền có chữ ký và chữ viết của bà C, không thể hiện mức lãi suất; Riêng đối với khoản vay 150.000.000 đồng bà H chỉ cung cấp một nữa tờ giấy thể hiện số tiền bà C mượn là 150.000.000 đồng, tờ giấy này có chữ ký của bà C còn họ tên bà C chỉ thể hiện: Nguyễn Thị Mc. Quá trình giải quyết và tại phiên tòa, bà C thừa nhận có vay tiền của bà H 02 lần tổng cộng số tiền là 405.000.000 đồng do hiện tại cuộc sống khó khăn nên bà C xin trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng, nhưng bà H không đồng ý.

Xét về thời hạn của hợp đồng cho vay tiền đối với 02 khoản vay mà nguyên đơn yêu cầu: Đối với khoản vay 150.000.000 đồng, thời hạn vay là 02 năm kể từ ngày 10.4.2020 đến ngày 10.4.2022; đối với khoản vay 255.000.000 đồng, thời hạn vay là 02 năm kể từ ngày 10.6.2020 đến ngày 10.6.2022 tính đến nay đã quá thời hạn trả nợ, nhưng bị đơn chưa trả tiền cho nguyên đơn. Vì vậy, từ những căn cứ trên phía bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ được các bên thỏa thuận trong hợp đồng,

Bà C vay tiền của bà H chỉ có một mình bà giao dịch, mục đích bà vay tiền để làm vốn buôn bán vé số, lo cho 02 đứa con bị ma túy phải đi tù (giai đoạn này bà C khai do vợ chồng bà mâu thuẫn và bà tự vay tiền để lo cho con và làm vốn buôn bán vé số để trang trải cuộc sống) và trả nợ riêng của bà C. Bà C tự chịu trách nhiệm trả nợ cho bà H vì bà khai đây là nợ riêng của bà. Quá trình giải quyết, bà H chỉ yêu cầu bà C trả tiền. Quá trình giải quyết và tại phiên tòa, bà H thừa nhận đã nhận tiền lãi của bà C là 9.000.000 đồng, bà C thì khai có trả tiền lãi cho bà H 9.000.000 đồng và trả tiền lãi lần thứ hai thì đưa cho con dâu bà H – là bà Nguyễn Thị H nhận 8.000.000 đồng, nhưng bà H chỉ thừa nhận bà C trả tiền lãi là 9.000.000 đồng (trong đó bà nhận 8.000.000 đồng, H nhận 1.000.000 đồng), lời khai của bà Nguyễn Thị H cũng thừa nhận có nhận tiền lãi do bà C đưa để trả cho bà H là 1.000.000 đồng. Việc bà C khai đã trả tiền lãi cho bà H tổng cộng 17.000.000 đồng nhưng không có căn cứ chứng minh, bà C cũng không có giấy tờ thể hiện việc trả tiền lãi nên không được thừa nhận. Tại phiên tòa, bà H xin rút yêu cầu tính suất nên Hội đồng xét xử đình chỉ, đối với số tiền lãi bà H đã nhận 9.000.000 đồng của bà C thì bà H đồng ý trừ vào số tiền gốc của hai khoản vay. Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Mai C phải trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền 396.000.000 đồng là phù hợp theo quy định tại Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự.

[4] Về án phí:

Bà Nguyễn Thị Mai C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1, 2 Điều 21, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228, Điều 262, Điều 273 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 357, Điều 463 và 466, điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ Luật dân sự 2015;

- Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bà Nguyễn Thị Mai C phải trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền 396.000.000 đồng (Ba trăm chín mươi sáu triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, điều 468 của Bộ luật dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Đình chỉ đối với yêu cầu của bà Nguyễn Thị H về việc tính lãi suất.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Mai C phải chịu 19.800.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 09/8/2023). Riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND thị xã L;
- THADS thị xã L;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Thị Vũ Toàn